



Bài báo nghiên cứu CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP TIẾNG HOA CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC HOA TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Luu Hón Vũ

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: Luu Hón Vũ – Email: vulh@buh.edu.vn

Ngày nhận bài: 10-01-2019; ngày nhận bài sửa: 22-02-2019; ngày duyệt đăng: 20-8-2019

TÓM TẮT

Bài viết khảo sát tình hình sử dụng chiến lược học tập (CLHT) tiếng Hoa của sinh viên (SV) dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), mối quan hệ giữa giới tính, tuổi tác, thành tích học tập và việc sử dụng CLHT tiếng Hoa. Kết quả cho thấy SV thường sử dụng các nhóm chiến lược nhận thức, siêu nhận thức và xã hội, ít sử dụng nhóm chiến lược xúc cảm. Giới tính và tuổi tác không ảnh hưởng đến việc sử dụng CLHT. Tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức có ảnh hưởng đến thành tích học tập.

Từ khóa: chiến lược học tập; tiếng Hoa; sinh viên dân tộc Hoa; Thành phố Hồ Chí Minh

1. Mở đầu

Theo Oxford (1989), CLHT ngôn ngữ là những hành động mà người học sử dụng nhằm mang lại những thành công, niềm vui trong học tập ngôn ngữ. Đây cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả học tập ngôn ngữ của người học. Nếu sử dụng hiệu quả các CLHT ngôn ngữ sẽ có tác dụng tích cực, mang đến thành công trong học tập ngôn ngữ.

Trong những năm gần đây, CLHT tiếng Hoa của học sinh, SV dân tộc Hoa đã bắt đầu được giới nghiên cứu quan tâm. Hiện nay, đã có một số công trình nghiên cứu về CLHT tiếng Hoa của học sinh, SV dân tộc Hoa ở Indonesia (Xie Qiao-yi, 2012), Thái Lan (Xu Miao, 2011; Zhang Bo-hui, 2017; Liu Ying, 2017), song vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu về CLHT tiếng Hoa của học sinh, SV dân tộc Hoa tại Việt Nam, đặc biệt là SV dân tộc Hoa tại TPHCM. Việc tìm hiểu tình hình sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa sẽ rất hữu ích cho việc nâng cao hiệu quả học tập tiếng mẹ đẻ của đồng bào dân tộc Hoa, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên. Vì vậy, chúng tôi cho rằng cần phải tiến hành nghiên cứu CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa, cụ thể là SV dân tộc Hoa tại TPHCM.

Cite this article as: Luu Hon Vu (2019). Learning strategies by Vietnamese Chinese students in Ho Chi Minh City. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 16(11), 799-808.

Trong phạm vi bài nghiên cứu này, chúng tôi muốn tìm câu trả lời cho ba vấn đề sau:

- i) Tình hình sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM như thế nào?;
- ii) Các nhân tố cá thể như giới tính, tuổi tác có ảnh hưởng đến việc sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM không?;
- iii) Thành tích học tập và việc sử dụng CLHT tiếng Hoa có mối liên quan với nhau không?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Có 67 SV dân tộc Hoa đang theo học tiếng Hoa tại TPHCM tham gia khảo sát. Các SV này có độ tuổi từ 18 đến 23. Độ tuổi trung bình là 20,31 tuổi.

Tất cả 67 phiếu điều tra thu được đều là phiếu hợp lệ, đạt tỉ lệ 100%. SV trả lời đầy đủ tất cả các câu hỏi có trong phiếu.

2.2. Công cụ thu thập dữ liệu

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phiếu điều tra CLHT ngôn ngữ SILL do Oxford công bố vào năm 1990. Phiếu điều tra này sử dụng thang đo 5 bậc của Likert, từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”, tổng cộng có 50 câu hỏi. Trong đó, các câu hỏi từ 1 đến 9 là các câu hỏi điều tra về nhóm chiến lược ghi nhớ, các câu hỏi từ 10 đến 23 là các câu hỏi điều tra về nhóm chiến lược nhận thức; các câu hỏi từ 24 đến 29 là các câu hỏi điều tra thuộc nhóm chiến lược bù đắp; các câu hỏi từ 30 đến 38 là câu hỏi điều tra thuộc nhóm chiến lược siêu nhận thức; các câu hỏi từ 39 đến 44 là câu hỏi điều tra thuộc nhóm chiến lược xúc cảm, các câu hỏi từ 45 đến 50 là câu hỏi điều tra thuộc nhóm chiến lược xã hội.

2.3. Công cụ phân tích số liệu

Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS (phiên bản 22.0) để thống kê, phân tích số liệu thu thập được. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng SPSS trong các thống kê mô tả, kiểm định trị trung bình của mẫu phối hợp từng cặp (Paired samples T-test), kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể – trường hợp mẫu độc lập (Independent – samples T-test) và phân tích tương quan Pearson (Pearson Correlation).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tình hình sử dụng chiến lược học tập tiếng Hoa

Tần suất sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1. Tần suất sử dụng CLHT tiếng Hoa

Nhóm chiến lược	Mean	SD
Nhóm chiến lược ghi nhớ	3,4793	0,68499
Nhóm chiến lược nhận thức	3,8710	0,57899
Nhóm chiến lược bù đắp	3,4801	0,64974
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	3,9486	0,70148
Nhóm chiến lược xúc cảm	3,2438	0,81872
Nhóm chiến lược xã hội	3,9826	0,73577
Tổng thể	3,6676	0,49969

Oxford (1990) chia tần suất sử dụng chiến lược ra làm 5 cấp: cấp 1 có trị trung bình từ 1,0 đến 1,4; cấp 2 có trị trung bình từ 1,5 đến 2,4; cấp 3 có trị trung bình từ 2,5 đến 3,4; cấp 4 có trị trung bình từ 3,5 đến 4,4; cấp 5 có trị trung bình từ 4,5 đến 5,0. Song, cách phân cấp này của Oxford không thể phân cấp cho các trường hợp có trị trung bình từ 1,4 đến 1,5; từ 2,4 đến 2,5; từ 3,4 đến 3,5; từ 4,4 đến 4,5. Vì vậy, chúng tôi tiến hành điều chỉnh lại như sau: cấp 1 có trị trung bình từ 1,0 đến dưới 1,5; cấp 2 có trị trung bình từ 1,5 đến dưới 2,5; cấp 3 có trị trung bình từ 2,5 đến dưới 3,5; cấp 4 có trị trung bình từ 3,5 đến dưới 4,5, cấp 5 có trị trung bình từ 4,5 đến 5,0. Trong đó, cấp 1 và cấp 2 là cấp độ tần suất sử dụng thấp, cấp 3 là cấp độ tần suất sử dụng trung bình, cấp 4 và cấp 5 là cấp độ tần suất sử dụng cao.

Bảng 1 cho thấy SV dân tộc Hoa tại TPHCM có tần suất sử dụng CLHT tiếng Hoa tương đối cao (Mean = 3,6676). Trong đó, nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội thuộc cấp độ tần suất sử dụng cao, nhóm chiến lược ghi nhớ, nhóm chiến lược bù đắp và nhóm chiến lược xúc cảm thuộc cấp độ tần suất sử dụng trung bình.

Kết quả so sánh đa tầng cho thấy tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội của SV dân tộc Hoa tại TPHCM có sự khác biệt có ý nghĩa với tần suất sử dụng nhóm chiến lược ghi nhớ, nhóm chiến lược bù đắp ($p < 0,05$), tần suất sử dụng nhóm chiến lược ghi nhớ có sự khác biệt có ý nghĩa với tần suất sử dụng nhóm chiến lược xúc cảm ($p < 0,05$), song tần suất sử dụng giữa nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$), tần suất sử dụng giữa nhóm chiến lược ghi nhớ và nhóm chiến lược bù đắp không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$), tần suất sử dụng giữa nhóm chiến lược bù đắp và nhóm chiến lược xúc cảm tiệm cận với sự khác biệt có ý nghĩa ($p = 0,054$).

Các kết quả trên cho thấy trong quá trình học tập tiếng Hoa, SV dân tộc Hoa tại TPHCM thường xuyên sử dụng nhất là nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội, kế đến là nhóm chiến lược ghi nhớ và nhóm chiến lược bù đắp, ít sử dụng nhất là nhóm chiến lược xúc cảm.

3.2. Mối quan hệ giữa các nhân tố cá thể và việc sử dụng chiến lược học tập tiếng Hoa

3.2.2.1. Mối quan hệ giữa giới tính và việc sử dụng CLHT tiếng Hoa

Trong số các SV dân tộc Hoa tại TPHCM tham gia khảo sát, có 14 SV nam, chiếm tỉ lệ 20,9%, 53 SV nữ, chiếm tỉ lệ 79,1%. Tình hình sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV nam và SV nữ như sau (xem Bảng 2):

Bảng 2. Tình hình sử dụng CLHT tiếng Hoa theo giới tính

Nhóm chiến lược	Giới tính	Mean	SD	t	p
Nhóm chiến lược ghi nhớ	Nam	3,3016	0,94425	-0,846	0,410
	Nữ	3,5262	0,60158		
Nhóm chiến lược nhận thức	Nam	3,7908	0,82517	-0,439	0,667
	Nữ	3,8922	0,50306		
Nhóm chiến lược bù đắp	Nam	3,2262	0,76964	-1,666	0,101
	Nữ	3,5472	0,60480		
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nam	3,9524	0,90447	0,023	0,982
	Nữ	3,9476	0,64810		
Nhóm chiến lược xúc cảm	Nam	3,1429	1,05785	-0,516	0,608
	Nữ	3,2704	0,75336		
Nhóm chiến lược xã hội	Nam	4,2381	0,58731	1,474	0,145
	Nữ	3,9151	0,76069		

Bảng 2 cho thấy SV nam có tần suất sử dụng nhóm chiến lược xã hội cao hơn SV nữ, có tần suất sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức gần tương đương với SV nữ, song lại có tần suất sử dụng các nhóm chiến lược khác thấp hơn SV nữ. Kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể – trường hợp mẫu độc lập cho thấy việc sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV nam và SV nữ không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$). Nói cách khác, giới tính không phải là nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM.

3.2.2.2. Mối quan hệ giữa tuổi tác và việc sử dụng CLHT tiếng Hoa

Trong số các SV dân tộc Hoa tại TPHCM tham gia khảo sát, có 43 SV thuộc nhóm tuổi 18-20, chiếm tỉ lệ 64,2%, 24 SV thuộc nhóm tuổi 21-23, chiếm tỉ lệ 35,8%. Tình hình sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV thuộc hai nhóm tuổi trên như sau (xem Bảng 3):

Bảng 3. Tình hình sử dụng CLHT tiếng Hoa theo tuổi tác

Nhóm chiến lược	Giới tính	Mean	SD	t	p
Nhóm chiến lược ghi nhớ	18-20	3,4419	0,73722	-0,595	0,554
	21-23	3,5463	0,58878		
Nhóm chiến lược nhận thức	18-20	3,8555	0,64915	-0,292	0,771
	21-23	3,8988	0,43724		
Nhóm chiến lược bù đắp	18-20	3,4031	0,67772	-1,305	0,196
	21-23	3,6181	0,58458		
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	18-20	3,9509	0,76953	0,036	0,971
	21-23	3,9444	0,57502		
Nhóm chiến lược xúc cảm	18-20	3,1899	0,88085	-0,718	0,475
	21-23	3,3403	0,70107		
Nhóm chiến lược xã hội	18-20	4,0543	0,74600	1,068	0,289
	21-23	3,8542	0,71443		

Bảng 3 cho thấy SV thuộc nhóm tuổi 18-20 có tần suất sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức, nhóm chiến lược xã hội cao hơn SV thuộc nhóm tuổi 21-23, song lại có tần suất sử dụng nhóm chiến lược ghi nhớ, nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược bù đắp và nhóm chiến lược xúc cảm thấp hơn SV thuộc nhóm tuổi 21-23. Kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể – trường hợp mẫu độc lập cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa trong việc sử dụng CLHT tiếng Hoa giữa SV thuộc nhóm tuổi 18-20 và SV thuộc nhóm tuổi 21-23 ($p > 0,05$). Nói cách khác, tuổi tác không phải là nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM.

3.3. Mối quan hệ giữa thành tích học tập và việc sử dụng chiến lược học tập tiếng Hoa

Chúng tôi sử dụng phân tích tương quan Pearson để kiểm định mối tương quan giữa thành tích học tập và việc sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM. Kết quả như sau (xem Bảng 4):

Bảng 4. Phân tích mối tương quan giữa thành tích học tập và CLHT tiếng Hoa

	Nhóm chiến lược ghi nhớ	Nhóm chiến lược nhận thức	Nhóm chiến lược bù đắp	Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nhóm chiến lược xúc cảm	Nhóm chiến lược xã hội
Pearson Correlation	0,030	0,338	0,130	0,168	-0,042	0,102
Sig. (2-tailed)	0,810	0,005	0,294	0,174	0,734	0,413

Bảng 4 cho thấy việc sử dụng nhóm chiến lược nhận thức và thành tích học tập tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM có mối tương quan với nhau ($p < 0,05$). Điều này cho thấy tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức có ảnh hưởng nhất định đến thành tích học tập tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM. SV nào thường xuyên sử dụng nhóm chiến lược này sẽ có thành tích học tập tiếng Hoa cao hơn, ngược lại, những SV ít sử dụng nhóm chiến lược này sẽ có thành tích học tập tiếng Hoa thấp hơn.

4. Thảo luận

4.1. Tình hình sử dụng chiến lược học tập tiếng Hoa

Kết quả điều tra cho thấy SV dân tộc Hoa tại TPHCM thường xuyên sử dụng nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội, kể đến là nhóm chiến lược ghi nhớ và nhóm chiến lược bù đắp, ít sử dụng nhất là nhóm chiến lược xúc cảm.

Nhóm chiến lược xã hội là một trong những nhóm chiến lược thường dùng nhất của SV dân tộc Hoa tại TPHCM. Kết quả này giống với các kết quả nghiên cứu của Jiang Xin

(2000) và Wang Yao-mei (2013). Jiang Xin (2000) và Wang Yao-mei (2000) đều cho rằng môi trường sống đã ảnh hưởng đến việc sử dụng nhóm chiến lược xã hội, làm cho nhóm chiến lược này có tần suất sử dụng cao. SV dân tộc Hoa tại TPHCM sinh sống trong cộng đồng người Hoa, phải sử dụng tiếng Hoa để giao tiếp với các cá thể khác trong cộng đồng, để đạt được mục đích giao tiếp, SV dân tộc Hoa cần sử dụng nhóm chiến lược xã hội.

Nhóm chiến lược siêu nhận thức cũng là một trong những nhóm chiến lược thường dùng nhất của SV dân tộc Hoa tại TPHCM. Kết quả này giống với các kết quả nghiên cứu của Jiang Xin (2000), Lin Ke và Lu Xia (2005), Ding An-qi và Wu Si-na (2011). SV dân tộc Hoa tại TPHCM là những người đã trưởng thành, có mục đích học tập rõ ràng, có năng lực tự quản lý, tự giám sát và tự đánh giá tương đối cao. Đây chính là điều kiện tốt để vận dụng hữu hiệu nhóm chiến lược siêu nhận thức trong quá trình học tiếng Hoa.

SV dân tộc Hoa tại TPHCM cũng thường xuyên sử dụng nhóm chiến lược nhận thức. Kết quả này giống với kết quả nghiên cứu của Wu Yong-yi và Chen Yu (2005), song không giống với kết quả nghiên cứu của Jiang Xin (2000), Lin Ke và Lu Xia (2005). Polizer (1983) cho rằng, mô hình giảng dạy lấy người dạy làm trung tâm sẽ làm tăng tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức của người học, đồng thời làm giảm tần suất sử dụng nhóm chiến lược xã hội của người học; mô hình giảng dạy lấy người học làm trung tâm sẽ làm tăng tần suất sử dụng nhóm chiến lược xã hội, nhóm chiến lược xúc cảm của người học. Tần suất sử dụng các nhóm CLHT của người học cũng phần nào phản ánh triết lý, mô hình giảng dạy của giảng viên và nhà trường (Chen Lin & Li Ai-ling, 2017). Giáo dục Việt Nam nói chung, giáo dục tiếng Hoa tại TPHCM nói riêng đã sử dụng mô hình giảng dạy lấy người dạy làm trung tâm trong một thời gian dài. Có thể, đây là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng SV dân tộc Hoa tại TPHCM thường xuyên sử dụng nhóm chiến lược nhận thức.

SV dân tộc Hoa tại TPHCM không thường xuyên sử dụng nhóm chiến lược bù đắp. Kết quả này giống với kết quả nghiên cứu của Lin Ke và Lu Xia (2005), không giống với các kết quả nghiên cứu của Jiang Xin (2000), Wu Yong-yi và Chen Yu (2005). Nhóm chiến lược bù đắp là các phương thức người học sử dụng để bù đắp những khiếm khuyết về kiến thức ngôn ngữ của mình, như dựa vào các thông tin trước sau của văn bản để đoán nghĩa của từ mới có trong văn bản, sử dụng các từ ngữ đã biết hoặc sử dụng các ngôn ngữ hình thể để diễn đạt ý nghĩa của một từ ngữ chưa được học... Điều đáng lưu ý là chiến lược “khi tôi không nghĩ ra được cách biểu đạt bằng tiếng Hoa, tôi sẽ tự tạo ra từ mới” có trị trung bình thấp nhất trong nhóm chiến lược bù đắp (Mean = 2,522). Có thể thấy, SV dân tộc Hoa tại TPHCM tích cực vận dụng các phương thức khác nhau để giao tiếp bằng tiếng Hoa, song cũng khá cần trọng trong việc tự sáng tạo ra từ mới.

SV dân tộc Hoa tại TPHCM cũng không thường xuyên sử dụng nhóm chiến lược ghi nhớ. Kết quả này giống với các kết quả nghiên cứu của Jiang Xin (2000), Lin Ke và Lu Xia (2005), Wu Yong-yi và Chen Yu (2005). Đây có thể là vì SV chưa được hướng dẫn cụ thể về cách thức sử dụng các chiến lược ghi nhớ.

Nhóm chiến lược xúc cảm cũng là nhóm chiến lược ít được SV dân tộc Hoa tại TPHCM sử dụng. Kết quả này giống với các kết quả nghiên cứu của Jiang Xin (2000), Lin Ke và Lu Xia (2005), Wu Yong-yi và Chen Yu (2005), Wang Yao-mei (2013). Mặc dù nhân tố xúc cảm có ảnh hưởng rất lớn đối với việc học tiếng Hoa, song SV dân tộc Hoa tại TPHCM vẫn chưa ý thức được điều này. Trong quá trình học tiếng Hoa, SV không biết kiểm soát hoặc có thể không biết làm thế nào để kiểm soát các xúc cảm của mình.

4.2. Mối quan hệ giữa các nhân tố cá thể và việc sử dụng chiến lược học tập tiếng Hoa

Giới tính không ảnh hưởng đến việc sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM. Kết quả này giống với các kết quả nghiên cứu của Jiang Xin (2000), Ding An-qi và Wu Si-na (2011), Chen Lin và Li Ai-ling (2017), không giống với các kết quả nghiên cứu của Oxford và Nyikos (1989), Li Qiang, Yao Yi-ru và Liu Nai-zhong (2011). Nghiên cứu của Oxford và Nyikos (1989) phát hiện SV nữ thường xuyên sử dụng CLHT hơn SV nam, đặc biệt là nhóm chiến lược xã hội. Nghiên cứu của Li Qiang, Yao Yi-ru và Liu Nai-zhong (2011) lại phát hiện, SV nữ thường xuyên sử dụng nhóm chiến lược bù đắp và nhóm chiến lược siêu nhận thức hơn SV nam. Qua đó cho thấy các kết quả nghiên cứu hiện nay vẫn có sự tranh luận về ảnh hưởng của giới tính đối với việc sử dụng CLHT, rất có thể trong mối quan hệ giữa giới tính và CLHT còn tồn tại các nhân tố trung gian.

Tuổi tác cũng không ảnh hưởng đến việc sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM. Kết quả này không giống với kết quả nghiên cứu của Wang Yao-mei (2013). Wang Yao-mei (2013) chia người học thành 3 nhóm tuổi: 18-20, 21-24, 25-29. Tác giả phát hiện có sự khác biệt có ý nghĩa trong việc sử dụng nhóm chiến lược ghi nhớ, nhóm chiến lược bù đắp và nhóm chiến lược xã hội giữa các nhóm tuổi. Nghiên cứu của chúng tôi chỉ có hai nhóm tuổi là 18-20 và 21-23, nếu bổ sung thêm nhóm tuổi 25-29, rất có thể sẽ có sự khác biệt có ý nghĩa trong việc sử dụng CLHT theo tuổi tác.

4.3. Mối quan hệ giữa thành tích học tập và việc sử dụng chiến lược học tập tiếng Hoa

Tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức có ảnh hưởng đến thành tích học tập tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM. Kết quả này giống với các kết quả nghiên cứu của Wu Yong-yi và Chen Yu (2005), Wang Yao-mei (2013). Tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức có quan hệ trực tiếp đến việc học tập và thụ đắc tiếng Hoa, việc sử dụng nhóm chiến lược này đòi hỏi phải có một trình độ tiếng Hoa nhất định, SV có thành tích học

tập càng cao sẽ càng dễ dàng vận dụng nhóm CLHT này, và ngược lại, SV có thành tích học tập kém sẽ khó vận dụng được nhóm chiến lược này, thậm chí không vận dụng được.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy: i) Tần suất sử dụng chiến lược học tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM tương đối cao, nhóm chiến lược thường sử dụng nhất là nhóm chiến lược nhận thức, nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội, kế đến là nhóm chiến lược ghi nhớ và nhóm chiến lược bù đắp, nhóm chiến lược ít sử dụng nhất là nhóm chiến lược xúc cảm; ii) Các nhân tố cá thể như giới tính, tuổi tác không ảnh hưởng đến việc sử dụng CLHT tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM; và iii) Tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức có ảnh hưởng đến thành tích học tập tiếng Hoa của SV dân tộc Hoa tại TPHCM.

Khi giảng dạy tiếng Hoa cho SV dân tộc Hoa, giảng viên cần chú ý bồi dưỡng cho SV việc sử dụng các CLHT, giúp SV giảm bớt các lo lắng trong học tập, hiểu rõ hơn về trạng thái xúc cảm của mình. Đồng thời, giảng viên cũng cần tăng cường bồi dưỡng nhóm chiến lược nhận thức cho SV, nâng cao mức độ sử dụng CLHT của SV. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần thường xuyên bồi dưỡng nhóm chiến lược siêu nhận thức cho SV, khuyến khích SV tự xây dựng kế hoạch học tập, tự đánh giá việc học tập của mình.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chen Lin, & Li Ai-ling (2017). Learning Strategies of Indonesian - Chinese Learners in Different Learning Contexts [Bu tong Xuexi Qingjing zhong Yinni Liuxuesheng Hanyu Xuexi Celue Diaocha]. *Overseas Chinese Education*, (1).
- Ding An-qi, & Wu Si-na (2011). *An Empirical Study of Chinese as a Second Language Learners* [Hanyu Zuowei Di'Er Yuyan Xuexizhe Shizheng Yanjiu]. Beijing: World Publishing Corporation.
- Jiang Xin (2000). Chinese as a Second Language Learning Strategies [Hanyu Zuowei Di'Er Yuyan Xuexi Celue Chutan]. *Language Teaching and Linguistic Studies*, (1).
- Li Qiang, Yao Yi-ru, Liu Nai-zhong (2011). A Correlation Study of Chinese Learning Strategies and Individual Factors [Hanyu Xuexi Celue yu Geren Yinsu de Xiangguanxing Yanjiu]. *Language Teaching and Linguistic Studies*, (1).

- Lin Ke, & Lu Xia (2005). An Analysis of Chinese Language Learning Strategies by Vietnamese Students [Yuenan Liuxuesheng Hanyu Xuexi Celue Fenxi]. *Journal of Chinese Language College of Jinan University*, (4).
- Liu Ying (2017). *A Survey of Chinese Learning Motivation and Learning Strategies of Thai Chinese Middle School Students in Meisui, Thailand* [Taiguo Meisu shi Huayi Zhongxuesheng Hanyu Xuexi Dongji he Xuexi Celue Diaocha Yanjiu]. Master degree thesis of Jinan University.
- Oxford, R. L. (1989). Use of Language Learning Strategies: A synthesis of studies with implications for strategy training. *System*, 17(2).
- Oxford, R. L. & Nyikos, M. (1989). Variables Affecting Choice of Language Learning Strategies by University Students. *Modern Language Journal*, 73(3).
- Oxford, R. L. (1990). *Language Learning Strategies: What Every Teacher Should Know*. Rowley, Mass: Newbury House.
- Politzer, R. L. (1983). An Exploratory Study of Self Reported Language Learning Behaviors and their Relation to Achievement. *Studies in Second Language Acquisition*, 6(1).
- Wang Yao-mei (2013). *A Study on The Chinese Learning Strategies of Foreign Students Who Come to China for Preparatory Courses* [Lai Hua Yuke Liuxuesheng Hanyu Xuexi Celue Yanjiu]. Beijing: World Publishing Corporation.
- Wu Yong-yi, & Chen Yu (2005). An Analysis of Successful Chinese Learners' Learning Strategies. Print in Zhao Jin-ming (Eds). *An All-round Exploration of Teaching Chinese as a Foreign Language - Proceedings of the Symposium on the study of Chinese as a foreign language* [Duiwai Hanyu Jiaoxue de Quanfangwei Tansuo – Duiwai Hanyu Yanjiu Xueshu Taolunhui Lunwenji]. Beijing: The Commercial Press.
- Xie Qiao-yi (2012). *A Survey of Chinese Learning Strategies of Indonesian Chinese Students* [Yinni Huayi Xuesheng Hanyu Xuexi Celue Diaocha Yanjiu]. Master degree thesis of Guangxi Normal University.
- Xu Miao (2011). *A Study on the Chinese Learning Situation of Thai Chinese Students in Universities in Northern Thailand - From the perspective of learning motivation and learning strategies* [Taipei Gaoxiao Huayi Xuesheng Hanyu Xuexi Xianzhuang Yanjiu – Cong Xuexi Dongji he Xuexi Celue Jiaodu Kaocha]. Master degree thesis of Huazhong University of Science and Technology.
- Zhang Bo-hui (2017). *A Survey of Chinese Learning Strategies of Thai Chinese and Thai Non Chinese High School Students in Northern Thailand* [Tai Bei Huayi yu Fei Huayi Gaozhongsheng Hanyu Xuexi Celue Diaocha Yanjiu]. Master degree thesis Yunnan Normal University.

**LEARNING STRATEGIES BY VIETNAMESE CHINESE STUDENTS
IN HO CHI MINH CITY**

Luu Hon Vu

Banking University of Ho Chi Minh City

Corresponding author: Luu Hon Vu – Email: vulh@buh.edu.vn

Received: January 10, 2019; Revised: February 22, 2019; Accepted: August 20, 2019

ABSTRACT

This article investigates how Vietnamese Chinese students in Ho Chi Minh city apply learning strategies and explores the relationship between genders, age, and academic achievements on the use of these learning strategies. The study found that the most commonly used learning strategies are cognitive strategies, meta-cognitive strategies and social strategies, and the least commonly used is emotional strategies. There is no difference between the gender and age in using learning strategies, but the frequency of using the cognitive strategies influenced students' performances.

Keywords: learning strategies; Chinese; Vietnamese Chinese students; Ho Chi Minh City